

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN CỦA KTNN VỀ KIỂM TOÁN NSDP NĂM 2020**

*(Kèm theo Báo cáo số 139 /BC-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022 của UBND huyện Tuần Giáo)*

*ĐVT: đồng*

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số kiểm toán kiến nghị</b>	<b>Số đã thực hiện</b>	<b>Số chưa thực hiện</b>	<b>Tài liệu kiểm chứng</b>
<b>A</b>	<b>Kiến nghị về xử lý tài chính</b>	<b>12.115.450.559</b>	<b>11.982.523.955</b>	<b>132.926.604</b>	
<b>I</b>	<b>Nộp NSNN các khoản thuế</b>	<b>132.926.604</b>		<b>132.926.604</b>	
<b>1</b>	<b>Thuế GTGT</b>	<b>66.124.172</b>		<b>66.124.172</b>	
	Công ty TNHH xây dựng Đoàn An Tuần Giáo	13.022.820		13.022.820	
	Công ty TNHH xây dựng Đoàn Lân tỉnh Điện Biên	3.611.636		3.611.636	
	Công ty TNHH Tân Cương tỉnh Điện Biên	27.775.545		27.775.545	
	Công ty TNHH Tuấn Linh tỉnh Điện Biên	8.368.010		8.368.010	
	Công ty TNHH Thái Kiên Điện Biên	13.346.161		13.346.161	
<b>2</b>	<b>Thuế TNDN</b>	<b>66.802.432</b>		<b>66.802.432</b>	
	Công ty TNHH xây dựng Đoàn An Tuần Giáo	9.947.987		9.947.987	
	Công ty TNHH xây dựng Đoàn Lân tỉnh Điện Biên	23.256.291		23.256.291	
	Công ty TNHH Tân Cương tỉnh Điện Biên	5.451.785		5.451.785	
	Công ty TNHH Tuấn Linh tỉnh Điện Biên	11.715.213		11.715.213	
	Công ty TNHH Thái Kiên Điện Biên	16.431.156		16.431.156	
<b>II</b>	<b>Nộp trả NS cấp trên kinh phí hết nhiệm vụ chi</b>	<b>5.742.011.073</b>	<b>5.742.011.073</b>		Giấy nộp trả NS cấp trên số 02 ngày 13/10/2021
	Chính sách hỗ trợ cây cao su	904.082.083	904.082.083		
	Vốn sự nghiệp CTMTQG giảm nghèo bền vững; Dự án 1: Chương trình 30a, Tiểu DA1: HT đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo (Duy tu, bảo dưỡng)	700.000.000	700.000.000		
	Vốn sự nghiệp CTMTQG giảm nghèo bền vững; Dự án 1: Chương trình 30a, Tiểu DA4: HT lao động thuộc hộ nghèo, HCN, hộ đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	53.890.000	53.890.000		
	Vốn sự nghiệp CTMTQG giảm nghèo bền vững; Dự án 5: Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá thực hiện chương trình	1.554.800	1.554.800		

STT	Nội dung	Số kiểm toán kiến nghị	Số đã thực hiện	Số chưa thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	Vốn sự nghiệp CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững	1.531.753	1.531.753		
	Vốn sự nghiệp CTM phát triển hệ thống trợ giúp xã hội (DA phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em: 400.000 đồng; DA hỗ trợ MTQG về bình đẳng giới: 10.000.000 đồng)	10.400.000	10.400.000		
	Vốn đầu tư CTMTQG giảm nghèo bền vững; Dự án 1: Chương trình 30a, Tiểu DA1: HT đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo	2.482.030.000	2.482.030.000		
	Vốn đầu tư CTMTQG giảm nghèo bền vững; Dự án 2: Chương trình 135, Tiểu DA1: HT đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã ĐBKK, xã biên giới; các thôn, bản ĐBKK	1.483.641.311	1.483.641.311		
	Vốn đầu tư CTMTQG xây dựng nông thôn mới (vốn trong nước)	104.881.126	104.881.126		
<b>III</b>	<b>Giảm dự toán năm sau kinh phí chi thường xuyên</b>	<b>5.471.560.000</b>	<b>5.471.560.000</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Giảm trừ dự toán các chính sách hết nhiệm vụ chi năm 2020, còn nhiệm vụ chi của năm sau</b>	<b>2.226.905.000</b>	<b>2.226.905.000</b>	<b>0</b>	UBND huyện đã sử dụng cho nhiệm vụ chi năm 2021 tại các Quyết định sau
	Miễn thu thủy lợi phí	919.610.000	919.610.000		Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 09/7/2021
	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	1.307.295.000	1.307.295.000		Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 04/11/2021
<b>2</b>	<b>Giảm trừ dự toán năm sau kinh phí chi thường xuyên đối với các đơn vị được kiểm toán</b>	<b>803.655.000</b>	<b>803.655.000</b>		
	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6.784.000	6.784.000		UBND huyện đã thực hiện giảm dự toán chi thường xuyên năm 2022 của các đơn vị tại Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 14/02/2022
	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp	5.766.000	5.766.000		
	Trung tâm GDNN-GDTX	6.447.000	6.447.000		

STT	Nội dung	Số kiểm toán kiến nghị	Số đã thực hiện	Số chưa thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	Phòng Giáo dục và Đào tạo (Kinh phí trang cấp ban đầu, trợ cấp chuyển vùng theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP hết nhiệm vụ chi năm 2020, còn nhiệm vụ chi của năm sau)	784.658.000	784.658.000		Phòng Giáo dục và Đào tạo đã sử dụng và quyết toán năm 2021 (phân bổ cho các trường tại Quyết định số 83/QĐ-PGDĐT ngày 16/7/2021 và Quyết định số 166/QĐ-PGDĐT ngày 20/10/2021)
<b>3</b>	<b>Giảm trừ dự toán năm sau kinh phí cải cách tiền lương</b>	<b>2.441.000.000</b>	<b>2.441.000.000</b>		
	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4.110.000	4.110.000		- UBND huyện đã thực hiện giảm dự toán năm 2022 của các đơn vị về ngân sách huyện tại Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 14/02/2022: 232.653.350 đồng. - Kinh phí CCTL: 2.441.000.000 đồng, ngân sách tỉnh chưa thực hiện giảm trừ
	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp	11.880.000	11.880.000		
	Trung tâm GDNN-GDTX	4.748.800	4.748.800		
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	169.290.000	169.290.000		
	UBND xã Quài Cang	40.571.550	40.571.550		
	UBND xã Quài Nưa	2.053.000	2.053.000		
	Ngân sách huyện	2.208.346.650	2.208.346.650		
<b>IV</b>	<b>Giảm cấp phát thanh toán, giảm giá hợp đồng còn lại chi đầu tư</b>	<b>768.952.882</b>	<b>768.952.882</b>		
<b>1</b>	<b>Giảm cấp phát, thanh toán</b>	<b>468.854.692</b>	<b>468.854.692</b>		
	Đường từ Km5+75m (lối rẽ đi thủy điện Long Tạo) đến bản Hua Mức 1 xã Pú Xi	5.924.176	5.924.176		Báo cáo quyết toán DAHT (Mẫu số 04/QTDA: chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT, giám sát thi công xây dựng)
	Đường từ bản Hua Mức 1 đến trụ sở tạm xã Pú Xi, huyện Tuần Giáo	194.760.573	194.760.573		Báo cáo kết quả thẩm tra QTDAHT số 273/BC-TTQT ngày 26/10/2021 của phòng Tài chính KH (biểu số 01/TH: chi phí xây dựng, chi phí quản lý dự án, chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT, chi phí giám sát thi công XD)
	Đường trung tâm xã Rạng Đông - bản Háng Á, huyện Tuần Giáo	58.158.794	58.158.794		Báo cáo quyết toán DAHT (Mẫu số 04/QTDA: chi phí xây lắp, chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT, giám sát thi công xây dựng)

STT	Nội dung	Số kiểm toán kiến nghị	Số đã thực hiện	Số chưa thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
	Nâng cấp đường QL6 - bản Lòong (giai đoạn 2), huyện Tuần Giáo	24.918.647	24.918.647		Báo cáo kết quả thẩm tra QTDAHT số 221/BC-TTQT ngày 15/9/2021 của phòng Tài chính KH (biểu số 01/TH: chi phí xây dựng, chi phí quản lý dự án, chi phí giám sát)
	Trường THCS xã Chiềng Đông huyện Tuần Giáo	185.092.502	185.092.502		Báo cáo quyết toán DAHT (Mẫu số 04/QTDA: chi phí xây lắp, giám sát thi công xây dựng, giám sát thiết bị)
<b>2</b>	<b>Giảm giá hợp đồng còn lại</b>	<b>300.098.190</b>	<b>300.098.190</b>		
	Đường từ Km5+75m (lối rẽ đi thủy điện Long Tạo) đến bản Hua Múc 1 xã Pú Xi	26.949.989	26.949.989		Báo cáo quyết toán DAHT (Mẫu số 04/QTDA: chi phí thẩm tra phê duyệt QT)
	Đường từ bản Hua Múc 1 đến trụ sở tạm xã Pú Xi, huyện Tuần Giáo	56.932.490	56.932.490		Báo cáo kết quả thẩm tra QTDAHT số 273/BC-TTQT ngày 16/10/2021 của phòng Tài chính KH (biểu số 01/TH: chi phí giám sát khảo sát, chi phí thẩm tra phê duyệt QT)
	Đường trung tâm xã Rạng Đông - bản Háng Á, huyện Tuần Giáo	55.584.670	55.584.670		Báo cáo quyết toán DAHT (Mẫu số 04/QTDA: chi phí thẩm tra phê duyệt QT)
	Nâng cấp đường QL6 - bản Lòong (giai đoạn 2), huyện Tuần Giáo	53.340.495	53.340.495		Báo cáo kết quả thẩm tra QTDAHT số 221/BC-TTQT ngày 15/9/2021 của phòng Tài chính KH (biểu số 01/TH: chi phí thẩm tra phê duyệt QT)
	Trường THCS xã Chiềng Đông huyện Tuần Giáo	107.290.546	107.290.546		Báo cáo quyết toán DAHT (Mẫu số 04/QTDA: chi phí thẩm tra phê duyệt QT, chi phí bảo hiểm)
<b>B</b>	<b>Kiến nghị xử lý tài chính khác</b>	<b>512.900.000</b>	<b>4.777.600</b>	<b>508.122.400</b>	
1	Ngân sách huyện chưa trích đủ 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2020 để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	512.900.000	4.777.600	508.122.400	- UBND huyện đã thực hiện trích 4.777.600 đồng tại Quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 12/11/2021. - Số còn lại 8 xã chưa thực hiện nộp trả ngân sách huyện.